

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 9 - 2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bế Văn Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Hồng Châu;

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 242/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, về việc “*Xin ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/8/2024, và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QDDST – DS ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1981; (Có đơn vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1965. (Có đơn vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

\* **Bị đơn:** Ông Lương Sơn B, sinh năm 1972, (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Viên thông Đắk Lắk. (Vắng mặt);

Địa chỉ: F L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Lương Văn D, sinh năm 1970. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Lương Nguyễn Hòa T, sinh năm 2001. (Vắng mặt);

Địa chỉ: A tổ C, thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Lương Nguyễn Hoài T1, sinh năm 2004. (Vắng mặt);

Địa chỉ: A tổ C, thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2023 và quá trình tham gia tố tụng Nguyễn đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Tôi và ông Lương Sơn B đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/5/2000, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho chúng tôi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 hai vợ chồng mâu thuẫn, do tính cách không hợp và không có tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên hai vợ chồng sống lý thân từ năm 2020 cho đến nay. Hai vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và ông Lương Sơn B trong thời gian chung sống có 04 con chung là:

+ Lương Nguyễn Hòa T, sinh năm 2001;

+ Lương Nguyễn Hoài T1, sinh năm 2004;

+ Lương Nguyễn Anh C, sinh 26/12/2007;

+ Lương Nguyễn Anh C1, sinh ngày 23/6/2010.

Hai cháu T và T1 đã trưởng thành khỏe mạnh, trên 18 tuổi, hiện tự có cuộc sống riêng nên các con ở với ai thì tùy các con, tôi không yêu cầu. Còn cháu C và cháu C1, tôi thống nhất với ông B theo nguyện vọng của các con, cháu C1 có nguyện vọng ở với ba nên giao cho ba trực tiếp nuôi dưỡng, cháu C có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các con đủ 18 tuổi. Tôi và ông B được quyền đi lại thăm con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông Lương Sơn B tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Lê Thị H trình bày: Theo đơn khởi kiện bà L đề nghị tòa án giải quyết chia 02 tài sản chung là thửa đất 209, tờ bản đồ số 38, diện tích 1123,6m<sup>2</sup> tại xã Q và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 15, diện tích 9650m<sup>2</sup> tại xã Q. Tuy nhiên, ngày 25/9/2024 bà L đã nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu tòa án giải quyết nữa.

\* Bị đơn ông Lương Sơn B vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông Lương Sơn B trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị Thu L, đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/5/2000, tại Ủy ban nhân dân xã Q trên tinh thần tự nguyện. Sau khi về chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2020 vợ chồng mâu

thuần nghiêm trọng, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình, do không hợp tính nhau nên chúng tôi sống ly thân từ năm 2020 đến nay không thể hàn gắn. Nay bà **L** nhất quyết ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

+ Về con chung: Tôi và bà **Nguyễn Thị Thu L** có 04 con chung như bà **L** đã trình bày. Hiện nay hai cháu **T** và **T1** đã trưởng thành khỏe mạnh, trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng nên các con ở với ai thì tùy các con tôi không yêu cầu giải quyết. Còn cháu **C** và cháu **C1**, chúng tôi thống nhất theo nguyện vọng của các con, cháu **C1** có nguyện vọng ở với tôi nên giao cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **C** có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các con đủ 18 tuổi. Tôi và bà **L** được quyền đi lại thăm con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận.

+ Về phần chia tài sản chung, chúng tôi thống nhất tự thỏa thuận và bà **L** rút yêu cầu chia tài sản.

\* Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lương Văn D**, chị **Lương Nguyễn Hoài T1**, chị **Lương Nguyễn Hòa T** và **Viễn thông Đ**:

Quá trình giải quyết vụ án, có liên quan đến phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thu L** đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, do đó HĐXX không xem xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà **L** và ý kiến về chia tài sản chung của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

**Về thủ tục tố tụng:**

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo Điều 70, Điều 71 BLTTDS; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Thu L** và ông **Lương Sơn B**.

Về con chung: Về con chung: Giao cháu **Lương Nguyễn Anh C**, sinh 26/12/2007 cho bà **Nguyễn Thị Thu L** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; Giao cháu **Lương Nguyễn Anh C1**, sinh ngày 23/6/2010 cho ông **Lương Sơn B** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi;

Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn rút yêu cầu này, nên đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung và chia tài sản khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại **xã Q, huyện C** thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt; Bị đơn ông **Lương Sơn B** vắng mặt không có lý do, đây là phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông **B** là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lương Sơn B** và bà **Nguyễn Thị Thu L**, đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/5/2000, tại **Ủy ban nhân dân xã Q** trên tinh thần tự nguyện. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 hai vợ chồng mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Do không thể sống chung nên hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc bà **L** và ông **B** xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai vợ chồng đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông **Lương Sơn B** và bà **Nguyễn Thị Thu L** có 04 con chung là:

- + **Lương Nguyễn Hòa T**, sinh năm 2001;
- + **Lương Nguyễn Hoài T1**, sinh năm 2004;
- + **Lương Nguyễn Anh C**, sinh 26/12/2007;
- + **Lương Nguyễn Anh C1**, sinh ngày 23/6/2010.

Hai cháu **T** và **T1** đã trưởng thành khỏe mạnh, trên 18 tuổi, hiện tự có cuộc sống riêng nên ông **B** và bà **L** không đề nghị giải quyết. Còn cháu **C** và cháu **C1**, ông **B** và bà **L** thỏa thuận: Cháu **C1** có nguyện vọng ở với ba nên giao cho ông **B** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **C** có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho bà **L** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông **B** và bà **L** được quyền đi lại thăm con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lương Sơn B và bà Nguyễn Thị Thu L tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Ngày 25/9/2024 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung nên cần đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại số tiền đã tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Số tiền 9.000.000đ, bà Nguyễn Thị Thu L nhận nộp nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu L và ông Lương Sơn B.

[2]. Về con chung: Giao cháu Lương Nguyễn Anh C, sinh 26/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; Giao cháu Lương Nguyễn Anh C1, sinh ngày 23/6/2010 cho ông Lương Sơn B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi; Ông Lương Sơn B và bà Nguyễn Thị Thu L được quyền đi lại thăm con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với hai cháu T và T1 đã trưởng thành khỏe mạnh, trên 18 tuổi, hiện tại có cuộc sống riêng nên HĐXX không xem xét.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lương Sơn B và bà Nguyễn Thị Thu L tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3]. Về chia tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia tài sản vợ chồng khi ly hôn.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 10.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu L 10.000.000đ tạm ứng án phí theo biên

lai thu số AA/2021/0014416 ngày 03/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Thu L nhận nộp 9.000.000đ chi phí tố tụng xem xét thẩm định và định giá tài sản, số tiền này bà L đã chi phí xong.

[6]. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- THADS huyện Cư M'gar;
- UBND xã Quảng Tiến;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bế Văn Toàn**